

QUY ĐỊNH TẠM THỜI
VỀ VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH,
CHUYÊN NGÀNH ĐẠT TRÌNH ĐỘ QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1022/QĐ-KHTC ngày 05 tháng 03 năm 2009 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Việc xây dựng và phát triển các ngành đào tạo bậc đại học, chuyên ngành đào tạo bậc sau đại học (gọi tắt là ngành, chuyên ngành) ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) đạt trình độ quốc tế là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển ĐHQGHN đến 2010 và tầm nhìn 2020; phù hợp với sứ mệnh xây dựng và phát triển ĐHQGHN thành trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học ngang tầm khu vực, từng bước đạt trình độ quốc tế, góp phần phát triển khoa học - công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao chất lượng và uy tín của giáo dục đại học Việt Nam trên thế giới. Nhiệm vụ này được thực hiện thông qua việc triển khai Đề án bao gồm một số Đề án thành phần (ĐATP) gắn với từng ngành, chuyên ngành cụ thể đã có những điều kiện cận kề trình độ quốc tế. Việc xây dựng các ĐATP được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của ĐHQGHN. Văn bản này chỉ quy định việc triển khai xây dựng và phát triển các ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Mục tiêu của việc xây dựng và phát triển các ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế

Triển khai thực hiện việc xây dựng và phát triển một số ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế nhằm tạo điều kiện để xây dựng và phát triển một số bộ môn, khoa, trường đại học thành viên đạt chuẩn khu vực và đẳng cấp quốc tế; góp phần đổi mới cơ bản và toàn diện chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của ĐHQGHN nói riêng và giáo dục đại học Việt Nam nói chung thông qua các mục tiêu sau:

1. Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có đạo đức và nhân cách tốt của người Việt Nam, có trình độ chuyên môn cao, có năng lực và kỹ năng làm việc trong điều kiện hội nhập quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam.

2. Đào tạo và bồi dưỡng trình độ khoa học, năng lực và phương pháp giảng dạy, năng lực sáng tạo và phương pháp nghiên cứu khoa học - công nghệ (KH-CN) tiên tiến của đội ngũ cán bộ giảng dạy; năng lực, kiến thức và kỹ năng quản trị đại học của cán bộ quản lý, cán bộ phục vụ của các đơn vị tham gia ĐATP.

3. Nâng cao chất lượng các hoạt động nghiên cứu KH-CN để có các sản phẩm KH-CN đạt trình độ quốc tế, tiêu biểu của quốc gia bao gồm các công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế, tạp chí chuyên ngành trung ương có uy tín, sách chuyên khảo có giá trị, những kết quả nghiên cứu được áp dụng vào thực tiễn.

4. Đổi mới căn bản nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy - học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá, quản lý đào tạo; phát triển cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH); gắn kết đào tạo và NCKH; tạo dựng môi trường học thuật đạt chuẩn của các trường đại học có uy tín cao trên thế giới.

5. Nâng cao hiệu quả hợp tác trong nước và quốc tế về đào tạo đại học, sau đại học, NCKH và chuyển giao công nghệ; thu hút thêm các nguồn lực để xây dựng và phát triển từng đơn vị và toàn ĐHQGHN; thu hút được sinh viên quốc tế đến học tập và nghiên cứu.

Điều 2. Sản phẩm của việc xây dựng và phát triển các ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế

1. Nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao (bậc đại học và sau đại học) có kiến thức hiện đại, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tự học, tự nghiên cứu; đáp ứng yêu cầu cao của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước, có thể làm việc ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới.

2. Đội ngũ các nhà khoa học, cán bộ giảng dạy có trình độ cao, có phương pháp giảng dạy và NCKH tiên tiến và đội ngũ cán bộ quản lý giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và có phương pháp quản trị đại học tiên tiến, có khả năng hợp tác bình đẳng với các đồng nghiệp ở các trường đại học tiến tiến.

3. Kết quả NCKH đỉnh cao về các lĩnh vực: công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế và ngoại ngữ,... thông qua sự gia tăng về số sách chuyên khảo được xuất bản bằng tiếng nước ngoài; số bài báo đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế; số đề tài NCKH cấp Nhà nước đạt kết quả tốt; số bản quyền phát minh, sáng chế; các sản phẩm và số dịch vụ KH-CN có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

4. Công nghệ đào tạo, phương pháp quản lý đào tạo, hệ thống giáo trình, bài giảng, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo tiếp cận chuẩn các đại học tiên tiến trên thế giới và phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.

5. Mọi quan hệ hợp tác bình đẳng với các đối tác trong và ngoài nước được mở rộng và nâng cao, tạo thêm nguồn lực để tiếp tục phát huy kết quả đào tạo, nghiên cứu ở trình độ cao đã đạt được, tạo sự phát triển bền vững của các ngành, chuyên ngành sau giai đoạn đầu tư ban đầu.

Điều 3. Một số khái niệm

1. *Chương trình đào tạo đạt trình độ quốc tế* là những chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến, có uy tín quốc tế (thuộc nhóm 200 trường đại học hàng đầu trên thế giới theo xếp hạng của Đại học Giao thông Thượng Hải công bố trên trang web <http://ed.sjtu.edu.cn> hoặc tương đương) đã được điều chỉnh phù hợp với khả năng, điều kiện của các đơn vị thuộc ĐHQGHN, với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam và đạt mức độ cao nhất theo các tiêu chí kiểm định chất lượng của ĐHQGHN.

2. *Ngành, chuyên ngành đã có những điều kiện cận kề trình độ quốc tế* là những ngành, chuyên ngành có đội ngũ giảng viên trình độ cao (từ tiến sĩ trở lên) đã từng giảng dạy hoặc được đào tạo bậc đại học, sau đại học ở các trường đại học có uy tín, có kết quả NCKH đạt trình độ khu vực và quốc tế; có những điều kiện cơ bản và nhiều lợi thế để phát triển đạt trình độ quốc tế như: đã đào tạo tài năng, chất lượng cao hoặc có khả năng liên kết, hợp tác quốc tế có hiệu quả, đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng; có khả năng mở rộng hợp tác và huy động được nhiều nguồn lực khác nhau; đặc biệt, đơn vị đào tạo phải có tính sẵn sàng và quyết tâm cao. Ngoài các điều kiện trên, các ngành, chuyên ngành được chọn để xây dựng và phát triển đạt trình độ quốc tế phải thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ cao, kinh tế - xã hội mũi nhọn, có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

3. *Trường đối tác* là trường đại học nước ngoài được đơn vị có ĐATP chọn để hợp tác, liên kết đào tạo hoặc tham khảo xây dựng chương trình đào tạo, hợp tác nghiên cứu. Trường đối tác phải đáp ứng một số yêu cầu cụ thể sau:

- Có trình độ và uy tín quốc tế như đã nêu ở mục 1, Điều 3; có các ngành, chuyên ngành tương ứng ở thứ hạng cao;
- Có các chuyên gia có thể tư vấn xây dựng chương trình đào tạo và tham gia giảng dạy, nghiên cứu các nội dung khoa học của ngành, chuyên ngành liên quan tại đơn vị;
- Đã có quan hệ hợp tác hoặc sẵn sàng hợp tác với đơn vị.

4. *Xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế* là giải pháp tập trung đầu tư để nâng toàn bộ một ngành hoặc chuyên ngành đã có những điều kiện cận kề trình độ quốc tế đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của đất nước. Nhiệm vụ cụ thể là triển khai đồng bộ các hoạt

động đảm bảo chất lượng quốc tế nhằm phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và quản lý; phát triển chương trình, hệ thống giáo trình và tài liệu tham khảo; hiện đại hóa cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; áp dụng cách thức tổ chức và quản lý, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá tiên tiến; xây dựng cơ chế chính sách, môi trường học tập, nghiên cứu và làm việc thuận lợi cho việc thúc đẩy sự sáng tạo; đẩy mạnh liên kết, hợp tác với trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín, với doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Chương 2

CHỈ ĐẠO VÀ ĐIỀU HÀNH

Điều 4. Ban chỉ đạo cấp ĐHQGHN

1. Trách nhiệm và nhiệm vụ

- Ban hành các quy định, hướng dẫn việc xây dựng và phát triển các ngành và chuyên ngành đạt trình độ quốc tế;

- Cấp phát và theo dõi việc sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí khác; tạo điều kiện và hỗ trợ các đơn vị triển khai thực hiện ĐATP;

- Đề xuất với Chính phủ về chính sách, cơ chế, nguồn lực và giải pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện Đề án chung và các ĐATP đạt hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ;

- Liên hệ với các Bộ, Ban, Ngành hỗ trợ triển khai Đề án chung và các ĐATP;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của Ban điều hành các ĐATP;

- Định kỳ đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Đề án chung và các ĐATP báo cáo với Chính phủ, các Bộ, Ngành có liên quan;

- Chỉ đạo việc chuyển giao từng phần và toàn bộ kết quả, sản phẩm của các ĐATP cho các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở giáo dục đào tạo, NCKH, doanh nghiệp.

2. Thành phần của Ban chỉ đạo cấp ĐHQGHN do Giám đốc ĐHQGHN quyết định gồm:

Trưởng Ban: Giám đốc ĐHQGHN;

Phó Trưởng Ban: Một số Phó Giám đốc ĐHQGHN;

Các ủy viên: - Đại diện lãnh đạo Văn phòng, các Ban chức năng có liên quan;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN có ĐATP;
- Một số chuyên gia tư vấn.

Ban chỉ đạo sẽ cử ra Ban thường trực và Ban thư ký để giúp việc.

Điều 5. Ban điều hành ở đơn vị có ĐATP

1. Trách nhiệm và nhiệm vụ

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt về ĐATP cho cán bộ và sinh viên;
- Làm việc với trường đối tác, các cá nhân và tập thể có liên quan để ký kết các thoả thuận nhằm đảm bảo điều kiện cần thiết cho việc xây dựng và phát triển ĐATP;
- Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyển sinh đảm bảo đúng qui định và có chất lượng cao nhất;

- Xây dựng kế hoạch giảng dạy, thực tập, thực hành và tổ chức các hội thảo khoa học; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn cho cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy, quản lý; nâng cấp hệ thống quản lý phục vụ cho việc dạy - học, NCKH và các công việc khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện ĐATP; kế hoạch nghiên cứu và dịch vụ KH-CN, liên kết và hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương,...; kế hoạch hiện đại hoá cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo,...; kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ở trong nước và ở nước có trường đối tác;

- Định hướng phát triển tiếp theo đối với các ngành, chuyên ngành thuộc ĐATP, thoả thuận với trường đối tác về việc công nhận tương đương văn bằng; công nhận và chuyển đổi tín chỉ; trao đổi sinh viên, giảng viên; tạo các nguồn thu nhằm duy trì hoạt động đào tạo ở trình độ cao;

- Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, kế hoạch chi tiết và huy động được các nguồn lực, phát triển hợp tác trong và ngoài nước phục vụ ĐATP. Định kỳ 3 tháng tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh việc thực hiện ĐATP và báo cáo kết quả thực hiện với ĐHQGHN (qua Ban chỉ đạo);

- Sử dụng hợp lý, có hiệu quả kinh phí được phân bổ từ ngân sách Nhà nước và các nguồn khác. Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn việc sử dụng kinh phí ở các đơn vị trong quá trình thực hiện ĐATP. Theo dõi, kiểm tra, giám sát và tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán các hợp đồng đã ký kết;

- Phối hợp với các Bộ, các cơ quan hữu quan, các tổ chức chính trị, xã hội, các cơ sở khoa học, giáo dục đào tạo, doanh nghiệp trong và ngoài nước, chính quyền các địa phương nhằm thực hiện tốt ĐATP;

- Tổng kết đánh giá ĐATP sau giai đoạn đầu tư ban đầu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiếp tục phát triển đề án một cách bền vững và hiệu quả.

2. Thành phần của Ban điều hành ĐATP do Thủ trưởng đơn vị có ĐATP quyết định, trong đó Thủ trưởng đơn vị làm trưởng ban và Chủ nhiệm khoa/bộ môn trực tiếp

thực hiện ĐATP làm thường trực; các thành phần khác được qui định phù hợp với tình hình cụ thể của đơn vị, đảm bảo phát huy được trí tuệ và kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý trong việc xây dựng và triển khai thực hiện đề án, thực hiện tốt các trách nhiệm và nhiệm vụ nêu ở mục 1, Điều 5.

Chương 3

ĐÀO TẠO BẬC ĐẠI HỌC

Điều 6. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được đơn vị có ĐATP xây dựng, thiết kế phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và ĐHQGHN về cấu trúc và khối lượng kiến thức tối thiểu trên cơ sở kế thừa có chọn lọc chương trình đào tạo của trường đại học đối tác (gọi tắt là chương trình gốc) kể cả nội dung, phương pháp giảng dạy, quy trình tổ chức và quản lý đào tạo; có các môn học Lý luận chính trị theo quy định bắt buộc đối với sinh viên Việt Nam. Chương trình được thiết kế để tổ chức đào tạo bậc đại học trong thời gian 4 năm.

2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo các đơn vị có ĐATP lựa chọn chương trình phù hợp nhất với điều kiện thực tế của đơn vị cũng như nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam thông qua việc tổ chức các hội thảo phân tích, đánh giá chương trình gốc và lấy ý kiến thẩm định.

3. Đơn vị đào tạo có ĐATP chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc chương trình đào tạo đã được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt, ban hành. Nếu cần có sự thay đổi, phải báo cáo và được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt mới triển khai.

Điều 7. Tuyển sinh

Tuyển sinh trên toàn quốc dựa vào kết quả tuyển sinh đại học cùng năm và thực hiện theo phương thức như sau:

1. **Đối tượng đăng ký nguyện vọng trực tiếp** vào các ngành đào tạo trình độ quốc tế:

a. **Tuyển thẳng:** Học sinh trung học phổ thông (THPT) là thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế hoặc đã đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 về môn học phù hợp, đáp ứng các điều kiện tuyển sinh đại học do Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN quy định.

b. **Thi tuyển:** Thí sinh có kết quả thi tuyển sinh đạt từ điểm chuẩn của ngành đào tạo đạt trình độ quốc tế tương ứng trở lên.

2. **Đối tượng được xét tuyển bổ sung:** Các thí sinh đã trúng tuyển vào các trường thành viên của ĐHQGHN, các thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ tuyển sinh đại

học cùng năm, cùng khối thi và có đủ các điều kiện khác theo quy định của các Ban điều hành ĐATP của các đơn vị, nếu có nguyện vọng sẽ được xét tuyển vào học các ngành đào tạo trình độ quốc tế của ĐHQGHN. Ưu tiên xét tuyển các học sinh đã đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12, hoặc đã đạt giải nhất, nhì và ba cấp tỉnh, thành phố hoặc tương đương về môn học phù hợp. Xét tuyển theo điểm các tiêu chí từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, ưu tiên đối với sinh viên có trình độ tiếng Anh tốt.

3. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài được xét tuyển theo những quy định trong bản “Hướng dẫn về việc xét tuyển người nước ngoài vào học tại ĐHQGHN” đã ban hành theo quyết định số 278/ĐT ngày 20/10/2003 của Giám đốc ĐHQGHN.

4. Thông tin chi tiết về tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ quốc tế được thông báo rộng rãi (trong đó có đưa lên trên trang web của ĐHQGHN và của các đơn vị) sớm hơn hoặc cùng với thông tin tuyển sinh đại học hàng năm. Các đơn vị cần thực hiện tốt công tác quảng bá thông tin để thu hút thí sinh đảm bảo chất lượng đầu vào tuyển sinh.

Điều 8. Quy mô đào tạo và lớp học

1. Quy mô đào tạo mỗi ngành không quá 60 sinh viên/khóa; khi học bài tập, ngoại ngữ và thảo luận,... phải chia nhóm nhỏ (không quá 30 sinh viên/nhóm).

2. Các đơn vị áp dụng các phương pháp tiên tiến để kiểm tra năng lực học tập; Trường Đại học Ngoại Ngữ (ĐHNN) kiểm tra trình độ ngoại ngữ, làm cơ sở cho việc phân lớp, nhóm và xây dựng kế hoạch giảng dạy chuyên môn, ngoại ngữ hợp lý, hiệu quả.

Điều 9. Ngôn ngữ giảng dạy và học tập

Ngôn ngữ chính được dùng để giảng dạy và học tập cho các chương trình đào tạo đạt trình độ quốc tế là tiếng Anh và tiếng Việt. Đối với một số ngành thuộc lĩnh vực KHXH&NV có tính đặc thù cần giảng dạy bằng ngôn ngữ khác, Thủ trưởng đơn vị đề nghị với Giám đốc ĐHQGHN để xem xét, quyết định.

Điều 10. Tổ chức dạy tiếng Anh và giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh

1. Tổ chức dạy Tiếng Anh

a. Chương trình dạy tiếng Anh được thiết kế để khi tốt nghiệp sinh viên đạt chuẩn IELTS ≥ 6.0 điểm hoặc tương đương không phân biệt ngành học. Giám đốc ĐHQGHN uỷ nhiệm cho Hiệu trưởng trường ĐHNN tổ chức phân loại sinh viên đầu vào và xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo ngoại ngữ phù hợp; quy định về việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá và cấp chứng chỉ tiếng Anh để sử dụng chung

trước mắt cho các ngành đào tạo trình độ quốc tế và tiến tới cho toàn bộ chương trình đào tạo ở ĐHQGHN và trong toàn quốc.

Sinh viên có chứng chỉ IELTS ≥ 6.0 hoặc tương đương, còn trong thời hạn giá trị quy định thì không bắt buộc phải học tiếng Anh. Điểm tiếng Anh ghi vào bảng điểm xét học bổng và xét tốt nghiệp là điểm tối đa theo quy định của Thủ trưởng đơn vị;

Sinh viên có chứng chỉ đạt $5 \leq \text{IELTS} < 6.0$ hoặc tương đương ≥ 6.0 IELTS nhưng không còn trong thời hạn giá trị quy định sẽ phải học phần tiếng Anh chuyên ngành và không bắt buộc phải học các học phần tiếng Anh chung. Điểm của phần tiếng Anh chung ghi vào bảng điểm xét tốt nghiệp là điểm tối đa theo quy định của Thủ trưởng đơn vị;

Sinh viên có trình độ tiếng Anh đạt IELTS < 5.0 hoặc tương đương và các sinh viên khác không thuộc hai diện trên sẽ phải học tiếng Anh theo yêu cầu của ngành học thuộc ĐATP;

Các sinh viên được miễn học tiếng Anh được phép học vượt trước các môn chuyên môn hay tham gia nghiên cứu khoa học (với các khoá trên của cùng chương trình) để tích lũy các tín chỉ cần thiết theo quyết định của Thủ trưởng đơn vị.

b. Tổng số giờ học tiếng Anh cho những sinh viên chưa đủ trình độ tiếng Anh theo yêu cầu là 900 tiết, trong đó 450 tiết được tổ chức dạy học theo chương trình và kế hoạch chung và sinh viên không phải đóng thêm học phí tiếng Anh; 450 tiết còn lại sinh viên phải học ở các lớp chính khoá ngoài giờ hành chính hoặc trong dịp hè nhưng phải đóng thêm học phí cho thời lượng học tiếng Anh đó. Định mức học phí và thời điểm áp dụng thu học phí do đơn vị qui định nhưng phải báo cáo ĐHQGHN (qua Ban chỉ đạo) trước khi thực hiện.

c. Căn cứ yêu cầu của các ngành học thuộc các ĐATP, trường ĐHNN làm đầu mối phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch giảng dạy tiếng Anh hợp lý để đảm bảo kế hoạch tổ chức giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh của các đơn vị (xem mục 2, Điều 10). Chương trình ngoại ngữ phải được tổ chức tăng cường trong năm thứ nhất (kể cả dịp hè) tại trường ĐHNN. Từ năm thứ hai trở đi, thời lượng giảng dạy môn tiếng Anh chung sẽ giảm dần theo từng học kỳ nhưng vẫn đảm bảo duy trì vốn kiến thức tiếng Anh đã tích lũy được và đảm bảo giúp sinh viên có thể học chuyên môn bằng tiếng Anh (nghe giảng, thảo luận, làm bài tập, kiểm tra, thi, viết luận,...), viết và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh. Trường ĐHNN chịu trách nhiệm các khâu kiểm định, bố trí đội ngũ giảng viên, chương trình, giáo trình, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá; kết hợp với các đơn vị có ĐATP tổ chức giảng dạy tiếng Anh.

d. Hết năm thứ nhất, các sinh viên có điều kiện và có nhu cầu được trường ĐHNN phối hợp với các đơn vị tạo cơ hội đi thực hành tiếng Anh tại các trường đại

học của nước nói tiếng Anh vào thời gian thích hợp không ảnh hưởng đến kế hoạch học tập. Trong toàn khoá học, các đơn vị có thể tổ chức cho sinh viên học từng môn hay từng học kỳ ở trường đại học đối tác. Kết quả học tập đó được chuyển đổi, tích lũy vào bảng điểm và xét tốt nghiệp.

e. Các đơn vị có ĐATP đảm nhận các công việc có liên quan tới tổ chức dạy học tiếng Anh theo ủy quyền của ĐHQGHN. Các đơn vị cử các giảng viên chuyên môn giỏi tiếng Anh để hỗ trợ trường ĐHNN trong việc giảng dạy phần tiếng Anh chuyên ngành; phối hợp với trường ĐHNN để hoàn thiện các điều kiện, bổ sung việc dạy học ngoại ngữ khác theo đặc thù của ngành và đặc biệt chú ý triển khai các biện pháp hợp lý để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh.

2. Tổ chức dạy chuyên môn bằng tiếng Anh

Trừ các môn học chung như Giáo dục quốc phòng (GDQP), Giáo dục thể chất (GDTC), Lý luận chính trị (LLCT), đối với khóa đầu tiên, các đơn vị phải giảng dạy các môn chuyên môn bằng tiếng Anh theo lộ trình tăng dần theo thời gian: *tối thiểu một môn học ở học kỳ hai của năm thứ nhất, ít nhất 50% số môn học trong năm thứ hai và 100% môn học từ năm thứ ba trở đi*. Đối với các ngành Ngoại ngữ (nếu có) phải giảng dạy hoàn toàn bằng ngoại ngữ ngay từ năm thứ nhất. Đối với các ngành KHXH&NV, trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng đơn vị báo cáo ĐHQGHN để được áp dụng lộ trình chậm hơn: *tăng dần từ ít nhất một môn học trong mỗi học kỳ của năm thứ hai, đến tối thiểu 50% số môn học trong năm thứ ba và 100% số môn học vào năm thứ tư*.

Từ khóa thứ hai trở đi, tất cả các môn chuyên môn, trừ các môn GDQP, GDTC và LLCT, đều phải giảng dạy bằng tiếng Anh.

Điều 11. Giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập

1. Các đơn vị có ĐATP phải cung cấp đề cương chi tiết, bài giảng song ngữ Anh - Việt (trừ các môn GDQP, GDTC, LLCT); tài liệu hướng dẫn thảo luận, thực hành và nội dung tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.

2. Các đơn vị có ĐATP phải có đủ bộ giáo trình tiếng Anh của trường đại học đối tác đang sử dụng và các giáo trình, tài liệu tham khảo (trong đó có tạp chí chuyên ngành) bằng tiếng Anh, tiếng Việt đáp ứng yêu cầu của chương trình và mục tiêu đào tạo. Các đơn vị xây dựng kế hoạch mua, bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo và gửi cho Trung tâm Thông tin Thư viện (TTTTV) theo kế hoạch ngân sách hàng năm; chủ trì việc biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy thông thường và bài giảng điện tử theo tiêu chuẩn SCORM; xây dựng kế hoạch xuất bản giáo trình mới biên soạn ở dạng song ngữ

Anh - Việt và có kế hoạch trao đổi giáo trình với các đơn vị đào tạo đối tác trong và ngoài nước.

3. Trung tâm TTTV có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị mua sắm đúng, đủ, nhanh chóng và hiệu quả các tư liệu học tập theo yêu cầu của các ĐATP; xây dựng tủ sách đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu, dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ của các ĐATP (gọi là tủ sách trình độ quốc tế). Trung tâm TTTV có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục thanh toán các tư liệu học tập mà các đơn vị đã mua bằng kinh phí của Đề án theo ủy quyền của Trung tâm TTTV. Tất cả tư liệu học tập phải được đưa vào hệ thống quản lý của Trung tâm TTTV và của các đơn vị. Trung tâm TTTV thống nhất quản lý và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc sử dụng toàn bộ hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo theo yêu cầu của các đơn vị.

Điều 12. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến đang được sử dụng ở các trường đại học có uy tín trên thế giới một cách hiệu quả và phù hợp với điều kiện của đơn vị và của ĐHQGHN theo hướng phát huy tích cực, chủ động, sáng tạo, nâng cao khả năng thực hành, nghiên cứu, ứng dụng thực tế, rèn luyện đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm và các kỹ năng nghề nghiệp của người học.

2. Áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ. Đối với các môn GDQP, GDTC, LLCT, sinh viên có thể đăng ký học chung với các chương trình đào tạo chính qui khác theo kế hoạch phân công chung của ĐHQGHN, trên nguyên tắc đảm bảo khối lượng kiến thức, yêu cầu của các môn học và giảng dạy theo phương pháp mới (tăng thời gian tự nghiên cứu và thảo luận có hướng dẫn). Sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng vào việc giảng dạy, quản lý.

3. Thực hiện chế độ trợ giảng, cố vấn học tập để trợ giúp, tư vấn và hướng dẫn sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong và lối sống.

4. Cho phép và tạo điều kiện cho sinh viên được thực hành và học tập thực tế ở các cơ sở chuyên môn ngoài ĐHQGHN như: các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất,... phù hợp với yêu cầu đào tạo. Các đơn vị tăng cường mời các nhà khoa học, công nghệ, doanh nhân, các nhà lãnh đạo quản lý, các chuyên gia ngoài đơn vị có đủ điều kiện về trình độ học vấn và phương pháp đào tạo tham gia giảng dạy, hoàn thiện chương trình đào tạo, biên soạn bài giảng, hướng dẫn thực hành, thực tập tại cơ sở, hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận và thực hiện nội dung đào tạo theo yêu cầu của người sử dụng.

Điều 13. Phương thức kiểm tra, đánh giá và chuyển đổi

1. Kiểm tra đánh giá

Các đơn vị có ĐATP xây dựng phương pháp kiểm tra - đánh giá theo qui định trong công văn 777/ĐT ngày 11/8/2006 đối với bậc đại học của ĐHQGHN và kết hợp vận dụng kinh nghiệm của trường đại học đối tác nước ngoài có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của ĐHQGHN. Kết hợp việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ với việc thi hết môn học theo quy định được công bố trước khi bắt đầu khoá học. Mọi hình thức kiểm tra - đánh giá phải được thực hiện theo qui trình tiên tiến và với bộ công cụ (bài tập, đề thi,...) hợp lý để đánh giá và xếp hạng được sinh viên về năng lực và kết quả học tập.

Tổ chức cho sinh viên đánh giá giảng viên trên cơ sở sử dụng phiếu đánh giá môn học và giảng viên của trường đối tác hoặc các trường đại học tiên tiến khác.

2. Chuyển đổi

a. Sinh viên đang học theo các ngành đào tạo đạt trình độ quốc tế sẽ không được tiếp tục theo học nếu:

- Vi phạm nội quy quy chế sinh viên, có biểu hiện không trung thực trong học tập, thi cử, vi phạm pháp luật,...;

- Không đạt yêu cầu so với quy chế đào tạo trong ĐHQGHN ban hành theo quyết định số 3413/ĐT ngày 10/09/2007.

b. Các sinh viên không đủ điều kiện tiếp tục theo học chương trình đạt trình độ quốc tế do vi phạm quy chế sinh viên sau khi chịu các hình thức xử lý theo quy chế (trừ trường hợp bị buộc thôi học) và sinh viên không đủ điều kiện tiếp tục theo học do không đạt yêu cầu so với quy chế đào tạo có thể được phép chuyển sang học ngành khác thuộc hệ đào tạo chuẩn của đơn vị đào tạo quản lý. Cách thức chuyển ngành học cho các sinh viên này do Thủ trưởng đơn vị quyết định và báo cáo Ban chỉ đạo.

c. Không chuyển đổi sinh viên thuộc các các chương trình đào tạo liên kết quốc tế không tương đương với các chương trình đào tạo đạt trình độ quốc tế. Khi khóa học đã chính thức bắt đầu các đơn vị không được xét tuyển bổ sung. Những trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định.

Điều 14. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

1. Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ bắt buộc đối với sinh viên trong quá trình đào tạo. Các hoạt động NCKH của sinh viên được tổ chức dưới các hình thức khảo sát thực địa, thực nghiệm khoa học trong phòng thí nghiệm, tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu hoặc triển khai ứng dụng các tiến bộ KH-CN vào thực tiễn của các cán bộ trong và ngoài đơn vị,... Các đơn vị có ĐATP tổ chức và quản lý công tác NCKH của sinh viên thông qua việc triển khai nghiên cứu gắn với các đề tài, dự án NCKH và các

hoạt động khoa học khác của đơn vị, tổ chức hội nghị khoa học sinh viên hàng năm. Mỗi sinh viên có một cố vấn học tập và được bố trí tham gia tìm hiểu, NCKH với các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài nước.

2. Công trình NCKH của sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ ba được coi như một niên luận hoặc tiểu luận. Sản phẩm NCKH của sinh viên là báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo, xêmina chuyên đề, các bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Sinh viên phải viết và trình bày báo cáo khoa học bằng tiếng Anh.

3. ĐHQGHN tổ chức đánh giá và trao giải thưởng cho các công trình NCKH xuất sắc của sinh viên toàn ĐHQGHN. Giải thưởng của công trình NCKH sinh viên được quy về điểm theo quy định hiện hành để cộng vào điểm trung bình học tập mở rộng của học kỳ, của năm học và của toàn khoá, đồng thời được tính đến khi xét học bổng, xét chuyển tiếp vào bậc sau đại học và các quyền lợi khác. Mức điểm thưởng được áp dụng theo Quy chế Đào tạo đại học ban hành theo quyết định số 3413/ĐT ngày 10/9/2007 của Giám đốc ĐHQGHN.

Điều 15. Bằng tốt nghiệp

Bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo đạt trình độ quốc tế được ghi theo hệ đào tạo quốc tế tương ứng kèm theo bằng điểm. *Phần tiếng Anh ghi là **International Standard Program***.

Bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo đạt trình độ quốc tế được coi như bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài khi xét các điều kiện liên quan đến trình độ tiếng Anh và chuyên môn để học tiếp ở bậc cao hơn.

Khuyến khích các đơn vị có ĐATP đạt được thỏa thuận với các trường đối tác để sinh viên tốt nghiệp có thể nhận hai bằng (double degree): một bằng của ĐHQGHN và một bằng của trường đối tác.

Chương 4

ĐÀO TẠO BẬC SAU ĐẠI HỌC

Điều 16. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được đơn vị có ĐATP xây dựng, thiết kế phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN về cấu trúc và khối lượng kiến thức tối thiểu trên cơ sở phát huy thế mạnh khoa học của đơn vị, của ĐHQGHN và kế thừa có chọn lọc chương trình gốc của trường đại học đối tác kể cả nội dung, phương pháp giảng dạy, quy trình tổ chức và quản lý đào tạo. Chương trình đào tạo thạc sĩ được thiết kế để tổ chức đào tạo trong thời gian là 2 năm. Chương trình đào tạo tiến sĩ tổ chức đào tạo trong thời gian 3 năm.

2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo các đơn vị có ĐATP lựa chọn chương trình phù hợp nhất với điều kiện thực tế của đơn vị cũng như nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam thông qua việc tổ chức các hội thảo phân tích, đánh giá chương trình gốc và lấy ý kiến thẩm định.

3. Đơn vị đào tạo có ĐATP chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc chương trình đào tạo đã được phê duyệt, ban hành. Nếu cần có sự thay đổi, phải báo cáo và được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt mới triển khai.

Điều 17. Tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh dựa vào kết quả tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN trong cùng năm và thực hiện như sau:

1. Đối tượng đăng ký nguyện vọng trực tiếp vào các chuyên ngành đào tạo trình độ quốc tế:

a. Tuyển thẳng: những thí sinh đủ điều kiện chuyển tiếp cao học (CH) hoặc nghiên cứu sinh (NCS) theo quy định của ĐHQGHN.

b. Thi tuyển: thí sinh có kết quả thi tuyển sinh sau đại học (CH hoặc NCS) từ điểm chuẩn của chuyên ngành đào tạo tương ứng trở lên.

2. Đối tượng được xét tuyển bổ sung: Thí sinh trúng tuyển vào các chuyên ngành khác có cùng đối tượng tuyển sinh và môn thi tuyển sinh trong kỳ thi tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN nếu có nguyện vọng có thể được tuyển bổ sung vào chương trình đào tạo trình độ quốc tế tương ứng. Ưu tiên các thí sinh có kết quả thi tuyển sinh cao, có năng lực nghiên cứu, có trình độ tiếng Anh tốt (tối thiểu đạt 4.5 theo chuẩn IELTS hoặc tương đương) và có đủ các điều kiện khác theo quy định của các Ban điều hành ĐATP của các đơn vị, đặc biệt là các sinh viên đã tốt nghiệp các hệ tài năng, chất lượng cao và các ngành đào tạo đạt trình độ quốc tế. Xét tuyển theo điểm các tiêu chí từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

3. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài được xét tuyển theo những quy định trong bản “Hướng dẫn về việc xét tuyển người nước ngoài vào học tại ĐHQGHN” đã ban hành theo quyết định số 278/ĐT ngày 20/10/2003 của Giám đốc ĐHQGHN.

4. Thông tin chi tiết về tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ quốc tế được thông báo rộng rãi (trong đó có đưa lên trên trang web của ĐHQGHN và của các đơn vị) sớm hơn hoặc cùng với thông báo tuyển sinh sau đại học hàng năm. Các đơn vị cần thực hiện tốt công tác quảng bá thông tin để thu hút thí sinh đảm bảo chất lượng đầu vào tuyển sinh.

Điều 18. Quy mô đào tạo

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, các khoá đầu tiên của mỗi chương trình đào tạo thạc sĩ chỉ tổ chức một lớp tối đa 25 học viên đối với các ngành thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, công nghệ, kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn; 15 học viên đối với các ngành ngoại ngữ (nếu có). Các khoá đào tạo tiến sĩ đầu tiên không vượt quá 5 NCS cho một chuyên ngành.

Sau khi hoàn thành khoá đào tạo đầu tiên, những chuyên ngành đảm bảo được việc nâng cao chất lượng, sẽ được mở rộng quy mô đào tạo. Trong trường hợp có thay đổi quy mô đào tạo, Thủ trưởng đơn vị phải báo cáo và chỉ thực hiện khi được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt.

Điều 19. Tổ chức dạy tiếng Anh và giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh

1. Ngôn ngữ chính được dùng để giảng dạy và học tập các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, các chuyên đề tiến sĩ,... trong chương trình đào tạo sau đại học đạt trình độ quốc tế chủ yếu là tiếng Anh. Đối với một số chuyên ngành thuộc lĩnh vực KHXH&NV có tính đặc thù, Thủ trưởng đơn vị đề nghị ngoại ngữ giảng dạy chính khác để Giám đốc ĐHQGHN quyết định.

2. Trong học kỳ thứ nhất, học viên cao học sẽ học các môn học chung và tiếng Anh tăng cường. Chương trình dạy tiếng Anh nâng cao được tiếp tục bố trí thêm vào các học kỳ tiếp theo đáp ứng yêu cầu người học phải đạt trình độ tiếng Anh 6.5 theo chuẩn IELTS hoặc tương đương khi tốt nghiệp. Đối với những khóa đầu có thể áp dụng chuẩn IELTS tối thiểu 6.0. Trường ĐHNN chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức nâng cao trình độ tiếng Anh chung cho người học bằng các giải pháp thích hợp theo yêu cầu của từng chuyên ngành. Việc miễn học tiếng Anh thực hiện tương tự như quy định ở Điều 10 nhưng với chuẩn IELTS ≥ 6.0 .

3. Các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, các chuyên đề tiến sĩ,... trong chương trình đào tạo sau đại học đạt trình độ quốc tế chủ yếu được bố trí từ học kỳ 2 của năm thứ nhất. Đối với các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ và kinh tế, tất cả các môn học này phải được giảng dạy bằng tiếng Anh. Đối với một số chuyên ngành thuộc lĩnh vực KHXH&NV có đặc thù, Thủ trưởng đề nghị và Giám đốc ĐHQGHN quyết định để được áp dụng lộ trình giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh chậm hơn, nhưng ít nhất phải đảm bảo tất cả các môn học trong năm thứ hai đều được giảng dạy bằng tiếng Anh, thảo luận, viết báo cáo, viết luận văn, luận án và bảo vệ bằng tiếng Anh. Sau khóa đào tạo đầu tiên, tất cả các môn học qui định phải giảng dạy bằng tiếng Anh.

4. Chậm nhất là sau học kỳ một của năm thứ nhất, Thủ trưởng các đơn vị đào tạo phải phân công cán bộ hướng dẫn nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn cho học

viên cao học, bố trí cho học viên được sinh hoạt học thuật và tham gia nghiên cứu tại các Phòng thí nghiệm hoặc Bộ môn.

5. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm liên hệ, hỗ trợ người học (HVCH và NCS) đi học tập, trao đổi và thực tập khoa học ở trường đại học đối tác hay đại học khác tương đương thuộc các nước nói tiếng Anh; tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu, viết và gửi đăng báo khoa học bằng tiếng Anh cho các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, tham dự hội nghị khoa học quốc tế,...

Điều 20. Giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập

Thực hiện như các quy định của bậc đại học ở các mục 1, 2, 3 của Điều 11 về tài liệu học tập. Ngoài ra, các đơn vị phải xây dựng kế hoạch bổ sung các tạp chí chuyên ngành, tài liệu chuyên khảo và các tài liệu có tính đặc thù cho việc tổ chức đào tạo bậc sau đại học và chuyển cho Trung tâm TTTV theo kế hoạch ngân sách hàng năm; chịu trách nhiệm tập hợp kết quả đề tài nghiên cứu điển hình kiểu case study hoặc các nội dung khoa học từ kết quả của các đề tài nghiên cứu khác đáp ứng yêu cầu đào tạo sau đại học.

Điều 21. Phương thức kiểm tra, đánh giá và chuyển đổi

1. Kiểm tra đánh giá

Các đơn vị có ĐATP xây dựng phương pháp kiểm tra - đánh giá theo qui định trong văn bản hướng dẫn số 2640/SDH ngày 28/12/2006 của Giám đốc ĐHQGHN và kết hợp vận dụng kinh nghiệm của trường đại học đối tác nước ngoài có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của ĐHQGHN, tương tự như đã nêu ở mục 1, Điều 13, kể cả việc đánh giá môn học.

2. Chuyển đổi

a. HVCH và NCS đang học theo các chuyên ngành đào tạo đạt trình độ quốc tế sẽ không được tiếp tục theo học nếu:

- Vi phạm nội quy quy chế sinh viên, có biểu hiện không trung thực trong học tập, thi cử, vi phạm pháp luật,....;

- Không đạt yêu cầu so với quy chế đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN ban hành theo quyết định số 3810/KHCN ngày 10/10/2007 của Giám đốc ĐHQGHN.

b. Các HVCH, NCS không đủ điều kiện tiếp tục theo học chương trình đạt trình độ quốc tế do vi phạm quy chế sinh viên sau khi chịu các hình thức xử lý theo quy chế (trừ trường hợp bị buộc thôi học) hoặc không đủ điều kiện tiếp tục theo học do không đạt yêu cầu so với quy chế đào tạo có thể được phép chuyển sang học chuyên ngành khác thuộc hệ đào tạo chuẩn tương ứng (có cùng đối tượng dự thi, môn thi tuyển

sinh,...) của đơn vị đào tạo quản lý (nếu có). Cách thức chuyên chuyên ngành học cho các học viên này do Thủ trưởng đơn vị quyết định và báo cáo Ban chỉ đạo.

Điều 22. Tham gia giảng dạy và NCKH

1. Tất cả HVCH và NCS thuộc Đề án phải tham gia các hoạt động giảng dạy bậc đại học tương ứng (nếu có) theo yêu cầu của Thủ trưởng đơn vị hoặc Chủ nhiệm Khoa, Bộ môn, Trưởng Phòng thí nghiệm được uỷ quyền.

2. Các đơn vị, cán bộ hướng dẫn, các chủ nhiệm đề tài, dự án,... tạo điều kiện thuận lợi nhất (về tài chính, cơ sở vật chất,...) để HVCH và NCS trực tiếp tham gia thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu KH-CN, khảo sát và nghiên cứu thực tế, viết báo cáo khoa học gửi đăng ở các tạp chí chuyên ngành hoặc báo cáo tại các hội nghị khoa học,..., thực hiện tốt việc tích hợp đào tạo sau đại học và NCKH.

3. HVCH và NCS phải trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, kết quả thực hiện luận văn, luận án định kỳ hàng tháng với tập thể hướng dẫn, định kỳ ba tháng với Bộ môn hoặc Phòng thí nghiệm và sáu tháng với Thủ trưởng đơn vị. Nếu HVCH và NCS không tham gia sinh hoạt chuyên môn quá 6 tháng, không báo cáo về tiến độ và kết quả nghiên cứu sẽ phải ngừng học.

4. Luận án tiến sĩ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Nhà nước có các nhà khoa học uy tín ở trong nước và ngoài nước tham gia phản biện và làm thành viên hội đồng.

Điều 23. Bằng cấp

HVCH và NCS ở các chuyên ngành thuộc Đề án sẽ được cấp bằng nếu thoả mãn các điều kiện sau:

1. *Bậc thạc sĩ*

- Hoàn thành chương trình đào tạo;
- Có ít nhất 1 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trung ương có uy tín;
- Đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu là 6.5 theo chuẩn IELTS hoặc tương đương;
- Đáp ứng các yêu cầu khác theo quy chế đào tạo sau đại học tại ĐHQGHN.

2. *Bậc tiến sĩ*

- Hoàn thành chương trình đào tạo;
- Đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ có ít nhất 1 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín. Đối với các ngành KHXH&NV có ít nhất 2 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trung ương có uy tín; khuyến khích người học thuộc các lĩnh vực này có bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín;

- Đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu là 6.5 theo chuẩn IELTS hoặc tương đương;
- Đáp ứng các yêu cầu khác theo quy chế đào tạo sau đại học tại ĐHQGHN.

Bằng Thạc sĩ và Tiến sĩ của các chuyên ngành đào tạo đạt trình độ quốc tế được ghi theo hệ đào tạo chất lượng quốc tế tương ứng kèm theo bằng điểm. *Phần tiếng Anh ghi là **International Standard Program***.

Bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc thạc sĩ đạt trình độ quốc tế được coi như bằng tốt nghiệp Thạc sĩ tại nước ngoài, được ưu tiên khi xét các điều kiện liên quan đến trình độ tiếng Anh và chuyên môn để học tiếp ở bậc tiến sĩ.

Khuyến khích các đơn vị có ĐATP đạt được thỏa thuận với các trường đối tác để HVCH tốt nghiệp có thể nhận hai bằng (double degree): một bằng của ĐHQGHN và một bằng của trường đối tác.

Chương 5

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 24. Nhiệm vụ của các hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc Đề án

Hoạt động nghiên cứu KH-CN trong Đề án phải tập trung:

- Phục vụ mục tiêu của Đề án; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học thông qua việc tích hợp đào tạo và NCKH;
- Phát triển và bồi dưỡng trình độ chuyên môn của giảng viên và cán bộ khoa học; thu hút được sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành ở trong nước và quốc tế.
- Xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu đạt trình độ quốc tế;
- Tạo ra các sản phẩm khoa học - công nghệ tiêu biểu của quốc gia và đạt trình độ quốc tế;
- Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, địa phương, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong và ngoài nước; tăng các nguồn thu bổ sung; góp phần đặc lực vào việc nâng cao uy tín học thuật của ĐHQGHN ở trong và ngoài nước, đáp ứng cao yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- Làm tiền đề phát triển các khoa, trường đại học thành các trung tâm học thuật, nghiên cứu đạt chuẩn khu vực và quốc tế;

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Nhiệm vụ NCKH của Đề án được tổ chức thực hiện thông qua các đề tài khoa học các cấp, các dự án hợp tác quốc tế,...

2. Việc đề xuất, tuyển chọn các nhiệm vụ KH-CN thuộc các ngành và chuyên ngành đạt trình độ quốc tế phải tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

3. Các nhiệm vụ KH-CN thuộc Đề án này và các dự án TRIG, PUF,... được ưu tiên trong quá trình tuyển chọn để thực hiện, căn cứ trên cơ sở đánh giá dự kiến sản phẩm đầu ra và khả năng đóng góp vào việc thực hiện nhiệm vụ của các ĐATP. Các sản phẩm đầu ra bao gồm kết quả đóng góp về mặt học thuật; số lượng và chất lượng của công trình chuyên khảo; số bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế, tạp chí chuyên ngành trong nước có uy tín; số bằng phát minh, sáng chế; luận văn, luận án được thực hiện trong khuôn khổ đề tài; tài liệu và kết quả nghiên cứu từ đề tài được chuyển thành tài liệu giảng dạy,...

4. Ngoài nguồn kinh phí của các đề án, dự án này, các đơn vị cần đầu tư thêm hoặc kết hợp với kinh phí từ các nguồn khác để trực tiếp phục vụ cho việc xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế. Đối với các nhiệm vụ KH-CN cấp Nhà nước gắn liền với mục tiêu phục vụ các Đề án, các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm cùng với ĐHQGHN phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư và các Bộ, Ban, Ngành khác để thuyết minh, đảm bảo dành những ưu tiên hợp lý trong việc xét chọn, giao nhiệm vụ, đầu tư và đặc biệt sử dụng các kết quả khoa học nhằm phục vụ có hiệu quả nhất các Đề án tại ĐHQGHN.

5. Các hội đồng ngành/liên ngành, các đơn vị thành viên, Hội đồng khoa học và đào tạo của các đơn vị đề xuất các nhiệm vụ khoa học ưu tiên các cấp kể cả các nhiệm vụ KH-CN hợp tác quốc tế, đảm bảo phục vụ việc triển khai đề án một cách thiết thực, hiệu quả.

Mẫu phiếu đề xuất nhiệm vụ, hướng dẫn đề xuất nhiệm vụ và danh mục các nhiệm vụ đã đề xuất được công bố công khai trên trang web của ĐHQGHN và của các đơn vị để toàn thể cán bộ, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh biết, tham gia đề xuất và cho ý kiến về các nhiệm vụ đã được đề xuất.

6. Trong quá trình tuyển chọn, ĐHQGHN và các đơn vị có trách nhiệm đặt ra các yêu cầu cao hơn về chất lượng và hiệu quả đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ liên quan trực tiếp đến đề án (so với các nhiệm vụ KH-CN thông thường, cùng cấp quản lý), trong đó đóng góp mới về học thuật tiếp cận trình độ khoa học quốc tế là yêu cầu bắt buộc, ưu tiên hàng đầu.

7. Các đơn vị thực hiện ĐATP có trách nhiệm mở rộng và phát triển hợp tác quốc tế trong NCKH. ĐHQGHN tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án hợp tác quốc tế. Các đơn vị chủ trì đề tài có trách nhiệm mời các nhà khoa học có uy tín quốc tế tham gia chủ trì, nghiên cứu, góp phần đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, xây

dựng nhóm nghiên cứu đạt trình độ quốc tế. ĐHQGHN và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi nhất để việc hợp tác quốc tế đạt được kết quả cao nhất, thiết thực phục vụ các Đề án. Cụ thể, ĐHQGHN xem xét ưu tiên cấp kinh phí đối ứng, kinh phí cho đoàn ra, đoàn vào, hội thảo, hội nghị,... đặc biệt là tạo điều kiện để ứng dụng kết quả từ hợp tác quốc tế.

Điều 26. Một số giải pháp đặc biệt

1. Giám đốc ĐHQGHN có quyền bổ nhiệm các nhà khoa học đầu ngành đã nghỉ hưu hoặc không phải là cán bộ cơ hữu của ĐHQGHN, kể cả các nhà khoa học là người nước ngoài hoặc Việt kiều, làm đồng chủ trì các nhiệm vụ KH-CN phục vụ Đề án. Việc bổ nhiệm những nhà khoa học này thực hiện thông qua hợp đồng công việc giữa cơ quan quản lý các nhiệm vụ KH-CN và cá nhân chủ trì.

2. Ngoài số kinh phí và trang thiết bị đã được đầu tư trực tiếp theo Hợp đồng của nhiệm vụ KH-CN, các nhóm nghiên cứu phục vụ các Đề án được ưu tiên sử dụng các phòng thí nghiệm và trang thiết bị khác của ĐHQGHN.

3. ĐHQGHN tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KH-CN phục vụ Đề án được quyền chủ động tối đa trong việc sử dụng số kinh phí đã được cấp để triển khai các nhiệm vụ KHCN. Trong quá trình thực hiện, đặc biệt trong việc triển khai các nhóm nghiên cứu quốc tế, nếu có gì khó khăn, vướng mắc báo cáo trực tiếp với Giám đốc ĐHQGHN để giải quyết.

Điều 27. Bản quyền của các sản phẩm khoa học, công nghệ

Thực hiện theo Điều 31 trong "Hướng dẫn về quản lý các đề tài khoa học và công nghệ ở ĐHQGHN" do Giám đốc ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 973/KHCN ngày 19/03/2007, ĐHQGHN quản lý kết quả nghiên cứu, sản phẩm và tài sản được thực hiện trong khuôn khổ các nhiệm vụ KH-CN của ĐHQGHN và của các ĐATP. ĐHQGHN và các đơn vị khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi, bao gồm cả việc hỗ trợ kinh phí, để các cơ quan và cá nhân chủ trì công bố kết quả nghiên cứu ở trong và ngoài nước, đăng ký bằng phát minh, sáng chế, xuất bản thành sách chuyên khảo, giáo trình phục vụ đào tạo và NCKH ở ĐHQGHN. Việc quản lý và sử dụng các kết quả, sản phẩm của các đề tài thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan của Nhà nước và của ĐHQGHN.

Điều 28. Thành viên tham gia các hoạt động NCKH

1. ĐHQGHN và các đơn vị tạo mọi điều kiện thuận lợi để sinh viên từ năm thứ hai trở đi được tham gia NCKH; để các sinh viên từ năm thứ 3 trở đi, HVCH và NCS có thể trở thành thành viên của các nhóm nghiên cứu của đơn vị và tham gia thực hiện các hoạt động KH-CN thuộc các Đề án theo các quy định của ĐHQGHN.

2. Trong đề cương thuyết minh của đề tài NCKH được đề xuất phải có dự trù chi tiết nhu cầu và kế hoạch sử dụng kinh phí, trang thiết bị, trong đó phải dành tối thiểu là 15% phần kinh phí khoán chi của đề tài cho sinh viên có năng lực, học viên cao học, nghiên cứu sinh, cán bộ khoa học trẻ thực hiện một số nội dung của đề tài. Ưu tiên cho các đề tài, dự án có kế hoạch đóng góp vào việc phát triển nhóm nghiên cứu quốc tế, bồi dưỡng cán bộ đầu ngành, đầu đàn, và thu hút được sự tham gia của những nhà khoa học có uy tín của trường đối tác hoặc các cơ sở đào tạo, NCKH quốc tế.

3. ĐHQGHN thông qua các Hội đồng ngành/liên ngành và Hội đồng Khoa học và Đào tạo của các đơn vị có trách nhiệm giới thiệu và cung cấp tài chính và các điều kiện để thu hút các nhà khoa học có trình độ cao, các chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở trong và ngoài nước hoặc là người nước ngoài tham gia tư vấn, giảng dạy, tham gia các nhóm nghiên cứu quốc tế, các hội nghị khoa học thuộc Đề án.

Chương 6

PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 29. Tiêu chuẩn và nghĩa vụ của giảng viên cơ hữu

Giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện Đề án phải đạt các tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT qui định, ngoài ra còn phải đáp ứng một số yêu cầu sau của ĐHQGHN:

1. Giảng viên có học vị từ tiến sĩ trở lên, có trình độ chuyên môn giỏi; có năng lực và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá tiên tiến; có năng lực khai thác các phương tiện giảng dạy và nghiên cứu tiên tiến; có năng lực ngoại ngữ tốt để giảng dạy và trao đổi chuyên môn bằng ngoại ngữ (tối thiểu là tiếng Anh).

Trợ giảng là các giảng viên trẻ, có năng lực chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học, nắm vững phương pháp giảng dạy tiên tiến, có khả năng hoặc có thể bồi dưỡng để giảng dạy bằng tiếng Anh theo kế hoạch của Đề án, có tâm huyết và có ý thức trách nhiệm cao với công việc.

2. Có năng lực và có khả năng tổ chức NCKH, sẵn sàng làm việc trong một tập thể hoặc nhóm nghiên cứu của ĐHQGHN; có khả năng hợp tác với các nhà khoa học trong và ngoài nước; luôn phấn đấu cập nhật trình độ khoa học công nghệ hiện đại, hiện đang chủ trì, tham gia đề tài NCKH, hoặc có bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín ít nhất 1 năm trở lại đây; tích cực góp phần xây dựng nhóm nghiên cứu, bồi dưỡng cán bộ KHCN đầu ngành, đầu đàn của ĐHQGHN.

3. Sẵn sàng thực hiện và tuân thủ các yêu cầu đào tạo theo tín chỉ nêu trong hướng dẫn số 776/ĐT, số 777/ĐT ngày 11/8/2006 của ĐHQGHN đối với bậc đại học và hướng dẫn số 2604/SĐH ngày 28/12/2006 của ĐHQGHN đối với bậc sau đại học.

Điều 30. Tiêu chuẩn cán bộ quản lý cơ hữu

Cán bộ quản lý tham gia thực hiện Đề án phải đạt các tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT qui định, ngoài ra còn phải đáp ứng một số yêu cầu sau của ĐHQGHN:

1. Đạt tiêu chuẩn lãnh đạo quản lý quy định tại Quy định số 4031/2008/QĐ - TCCB ngày 2/7/2008 về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển cán bộ của ĐHQGHN.

2. Có tư duy, phương pháp và kỹ năng quản trị đại học tiên tiến, sử dụng tốt công nghệ thông tin và ngoại ngữ (tối thiểu là tiếng Anh) trong công tác, giao tiếp với đối tác nước ngoài; có năng lực tạo ra môi trường học thuật, làm việc thuận lợi cho học tập, nghiên cứu, sáng tạo.

Điều 31. Tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý

1. Tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý phải thực hiện theo cách tiếp cận và phương pháp quản trị nguồn nhân lực.

2. Sau khi ĐATP được phê duyệt, Thủ trưởng đơn vị quyết định phân công giảng viên, cử giảng viên trưởng môn học cho các môn học có trong chương trình đào tạo; phân công cán bộ quản lý tham gia quản lý các nội dung cụ thể trong ĐATP. Trong quá trình phân công, ưu tiên và tạo điều kiện cho các cán bộ đã đáp ứng các tiêu chuẩn ở Điều 29 và 30 tham gia.

3. Trên cơ sở phân công nhiệm vụ, Thủ trưởng đơn vị rà soát tiêu chuẩn và trình độ chuyên môn, ngoại ngữ của các cán bộ tham gia đề án để xây dựng và báo cáo ĐHQGHN kế hoạch bồi dưỡng, tuyển dụng, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý đạt trình độ quốc tế. Trong kế hoạch cần chỉ rõ số lượng, danh sách từng cán bộ phải nâng cao trình độ ngoại ngữ, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy, phương pháp nghiên cứu; bồi dưỡng về phương pháp quản lý; thời gian cần để bồi dưỡng và cơ quan đào tạo thực hiện bồi dưỡng; kết quả và sản phẩm của việc đào tạo, bồi dưỡng; kinh phí cần thiết cho việc bồi dưỡng đó và các thông tin cần thiết khác. Ngoài kinh phí của ĐATP, các đơn vị cần sử dụng tổng hợp các nguồn tài chính khác như kinh phí của các dự án TRIG, PUF, NCKH, quỹ nghiên cứu Châu Á (KFAST), các quỹ học bổng 322, Fulbright, VEF,... để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Các đơn vị cần có kế hoạch bố trí công việc hợp lý cho các cán bộ không có điều kiện hoặc không đủ điều kiện tham gia các ĐATP.

4. Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ giảng dạy và quản lý cần thực hiện tại các trường đối tác của đơn vị, thời gian theo từng học kỳ để giảng viên có điều kiện xâm nhập và tiếp thu kinh nghiệm một cách đầy đủ về phương pháp tổ chức bài giảng, tài liệu giảng dạy - học tập; phương pháp giảng dạy lý thuyết, thảo luận và/hoặc

tổ chức thực hành, kết hợp thực hiện nghiên cứu trọn vẹn một vấn đề khoa học,...; để cán bộ quản lý có điều kiện xâm nhập và tiếp thu một cách đầy đủ phương pháp quản lý đào tạo có tính hệ thống, quản lý đào tạo theo tín chỉ và thực hành quản trị đại học tiên tiến.

5. Các đơn vị chủ động tuyển dụng các giảng viên đã đủ điều kiện theo quy định của ĐHQGHN, ưu tiên những cán bộ đạt tiêu chuẩn theo Quyết định số 1955/QĐ-TCCB ngày 16/11/2006 của Giám đốc ĐHQGHN, đặc biệt là những người có học vị tiến sĩ và năng lực NCKH tốt. Cử cán bộ giỏi hướng dẫn tập sự cho các cán bộ mới được tuyển dụng, giúp đỡ hoà nhập vào môi trường làm việc để bắt nhịp công việc một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất, phù hợp nhất với việc tham gia thực hiện dự án.

6. Các đơn vị chủ động bồi dưỡng, hỗ trợ các cán bộ tham gia các khoá đào tạo về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, các phương pháp giảng dạy, giao tiếp, làm việc theo nhóm,...; xây dựng các nhóm nghiên cứu và giảng dạy nhằm phát huy tối đa trí tuệ của số đông, đồng thời hình thành phong cách làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ giảng dạy cũng như quản lý.

7. Thủ trưởng các đơn vị thực hiện ưu đãi đối với cán bộ tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn học tập, NCKH và quản lý của ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế về chế độ bồi dưỡng, thù lao theo hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, chất lượng NCKH và phát huy ảnh hưởng quốc tế; tạo điều kiện ưu tiên cho cán bộ thực tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong nước và ngoài nước; hỗ trợ tạo điều kiện cho cán bộ áp dụng các phương pháp, công nghệ dạy học, quản lý tiên tiến phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tiễn của ĐHQGHN; cung cấp cho cán bộ tham gia Đề án quyền ưu tiên sử dụng trang thiết bị, phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất kỹ thuật, tư liệu khoa học, thư viện, mạng VNU-net để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu.

Điều 32. Thu hút các nhà khoa học xuất sắc về làm việc tại ĐHQGHN

1. Có kế hoạch và thực hiện việc thu hút các cán bộ giỏi ở trong và ngoài nước bằng các chính sách đặc biệt do các đơn vị chủ động đề xuất hoặc thông qua các kênh thông tin và các quan hệ có sẵn.

Các nhà khoa học được mời về ĐHQGHN tham gia Đề án phải có học vị tiến sĩ trở lên, có khả năng giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh), có kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu. Ưu tiên mời các nhà khoa học trẻ, có năng lực nghiên cứu, đã công bố nhiều công trình khoa học có chất lượng.

Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các nhà khoa học, giáo sư là người Việt Nam sống ở nước ngoài về tham gia giảng dạy và trao đổi học thuật với cán bộ và sinh viên của ĐHQGHN.

2. Khi ký kết hợp đồng mời tham gia Đề án, cần làm rõ trách nhiệm của các nhà khoa học về yêu cầu đào tạo và nghiên cứu theo chất lượng quốc tế, trách nhiệm và kế hoạch hợp tác với các cán bộ, sinh viên, HVCH, NCS và với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài.

Các nhiệm vụ mà các nhà khoa học ở ngoài ĐHQGHN có thể thực hiện là:

2.1. Về đào tạo

- Giảng dạy các môn học (hoặc từng phần môn học) thuộc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học, tổ chức xêmina, báo cáo chuyên đề; hướng dẫn, phản biện, chấm luận văn, luận án, khoá luận, báo cáo khoa học;

- Biên soạn giáo trình bài giảng, các tài liệu phục vụ nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập;

- Tham gia xây dựng, triển khai thực hiện các giải pháp và qui trình đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo,...

2.2. Về nghiên cứu khoa học

- Cùng với các cán bộ của ĐHQGHN thực hiện từng phần, từng nội dung hay đồng chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu KH-CN, dự án do cán bộ ĐHQGHN chủ trì;

- Tham gia các hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án KH-CN; phản biện, nhận xét các bài báo khoa học; góp ý hoàn thiện các đề cương, đề tài, dự án NCKH do các cán bộ ĐHQGHN đề xuất;

- Phối hợp xây dựng nhóm nghiên cứu, bộ môn, phòng thí nghiệm, trung tâm hay viện nghiên cứu;

- Tham gia xây dựng các đề tài, đề án mới để đấu thầu, xin tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; đề xuất các hướng nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng đáp ứng các nhu cầu của các doanh nghiệp hoặc cộng đồng xã hội để ĐHQGHN tham khảo và xây dựng các đề tài phối hợp cùng triển khai; làm đầu mối ở nước ngoài để khai thác các nguồn tài trợ hoặc liên kết thực hiện các đề án, dự án đầu tư cho ĐHQGHN;

- Tham gia tổ chức, chủ trì hội nghị, hội thảo khoa học;

- Các hoạt động KH-CN khác do hai bên thoả thuận.

2.3. Về bồi dưỡng cán bộ

- Giảng dạy và kiêm nhiệm nhiệm vụ “chuyên gia công nghệ” giảng dạy cho đồng nghiệp, bồi dưỡng giảng viên trẻ cùng tham gia giảng dạy tại ĐHQGHN để có thể đảm nhiệm môn học đó; trực tiếp hướng dẫn hoặc hỗ trợ liên hệ người hướng dẫn cán bộ của ĐHQGHN nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ;

- Bồi dưỡng cán bộ khoa học thông qua việc cùng thực hiện đề tài KH-CN, cùng viết báo cáo khoa học, cùng viết giáo trình, bài giảng, trao đổi thông tin khoa học...;

- Trao đổi với cán bộ ĐHQGHN về kinh nghiệm giảng dạy, kinh nghiệm nghiên cứu, kinh nghiệm quản trị đại học, liên kết với doanh nghiệp,...;
- Tạo dựng các quan hệ hợp tác quốc tế để cán bộ ĐHQGHN đi trao đổi, học tập, nghiên cứu, tham quan khảo sát ở các trường đại học, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp của nước ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ,...;
- Giới thiệu các nhà khoa học cộng tác với ĐHQGHN hoặc về công tác ở ĐHQGHN.

3. Áp dụng các phương thức hợp tác sau đây đối với các nhà khoa học ở ngoài ĐHQGHN:

3.1. Trực tiếp làm việc tại ĐHQGHN

Các nhà khoa học là Việt kiều hoặc người nước ngoài làm việc trực tiếp tại ĐHQGHN ngắn hạn hoặc dài hạn (từ 6 tháng trở lên) có thể theo hai phương thức:

- Theo chế độ hỗ trợ của các trường đại học hoặc các tổ chức quốc tế;
- Theo hợp đồng mời giảng dạy hoặc nghiên cứu của ĐHQGHN hoặc các đơn vị trong ĐHQGHN.

3.2. Làm việc theo phương thức từ xa thông qua các trao đổi bằng thư điện tử, hoặc giảng dạy trực tuyến,... để hướng dẫn luận văn, luận án, phản biện hoặc tham gia biên soạn các giáo trình, bài giảng; thực hiện một số nội dung nghiên cứu ở nước ngoài cho các đề tài của ĐHQGHN; làm cầu nối giữa các nguồn cung cấp Dự án hoặc các tài trợ khác nhau với ĐHQGHN.

4. Thực hiện mềm dẻo và khuyến khích về chế độ phụ cấp, tiền thưởng; lợi nhuận thu được từ các đề tài nghiên cứu, triển khai dịch vụ, chuyển giao công nghệ khoa học,...

5. Thực hiện chính sách đãi ngộ đối với các học giả xuất sắc trong và ngoài nước làm việc cho ĐHQGHN: bố trí chỗ ở thuận lợi, phương tiện đi lại dễ dàng, chỗ làm việc tốt; ưu tiên sử dụng các phương tiện, thiết bị giảng dạy, NCKH, phòng thí nghiệm đáp ứng tối đa nhu cầu hoạt động chuyên môn trong phạm vi cho phép; ưu tiên trong việc tuyển chọn, xét duyệt, cấp kinh phí để chủ trì hoặc đồng chủ trì các đề tài NCKH, dự án KH-CN phù hợp với yêu cầu và khả năng chuyên môn; được hỗ trợ kinh phí để xuất bản, công bố các công trình khoa học, sách chuyên khảo, các phát minh, sáng chế; được hưởng giá trị (bằng tiền) do hiệu quả hoặc lợi ích của công trình đã mang lại theo quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN; được trả lương thoả đáng theo hiệu quả công tác trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên. Ngoài ra, ĐHQGHN có thể xem xét và trao tặng các chức danh Tiến sĩ danh dự, Giáo sư danh dự của ĐHQGHN.

Điều 33. Tạo dựng môi trường làm việc thuận lợi cho sự sáng tạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, học tập

1. Thủ trưởng các đơn vị, bộ phận (phòng, bộ môn, khoa, tổ, nhóm công tác, phòng thí nghiệm, trung tâm thuộc đơn vị,...) tạo cơ chế, môi trường làm việc văn minh, tôn trọng tác phong làm việc công nghiệp, dân chủ, công bằng trong đánh giá, thưởng phạt dựa theo chất lượng, kết quả và hiệu quả làm việc, nâng cao sự tận tâm, hợp tác hỗ trợ lẫn nhau, thúc đẩy sáng tạo. Xây dựng môi trường làm việc theo phong cách chuyên nghiệp trong giảng dạy, NCKH và sinh hoạt học thuật nhằm phát huy tối đa khả năng đóng góp của các nhà khoa học trong và ngoài nước để đạt mục tiêu, sản phẩm và sự phát triển bền vững của Đề án.

2. Áp dụng rộng rãi và phù hợp cách tiếp cận, phương pháp ISO và quản trị nguồn nhân lực của các đại học tiên tiến trong công tác, trong lãnh đạo, quản lý, điều hành ở tất cả các đơn vị và trong toàn ĐHQGHN.

Chương 7

HIỆN ĐẠI HÓA CƠ SỞ VẬT CHẤT

Điều 34. Xây dựng và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất theo phương châm liên thông, liên kết

1. Toàn bộ hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, các cơ sở và phương tiện phục vụ đào tạo, NCKH của các đơn vị trong ĐHQGHN phải được quy hoạch, xây dựng và sử dụng với sự liên thông, liên kết mạnh, phục vụ chung cho tất cả các ngành có chuyên môn gần nhau. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý cơ sở vật chất, phải tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ và người học của các đơn vị khác được sử dụng, phục vụ đào tạo, NCKH theo quy định đối với từng loại cơ sở vật chất.

2. Hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, các cơ sở và phương tiện phục vụ đào tạo và NCKH của các đơn vị trong ĐHQGHN phải khai thác và sử dụng với tính liên thông thông cao, phục vụ chung cho tất cả các ngành có chuyên môn chung hoặc chuyên môn gần nhau. Các đơn vị được trang bị phòng thí nghiệm (ngành chính) chịu trách nhiệm bố trí phục vụ có hiệu quả cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên, HVCH, NCS và cán bộ của các đơn vị khác (ngành phụ) có liên quan và ngược lại;

3. Các đơn vị thống kê và báo cáo cho ĐHQGHN số lượng, tình trạng các phòng thí nghiệm hiện tại có khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo chất lượng quốc tế; kế hoạch nâng cấp, xây dựng và phát triển các phòng thí nghiệm chưa đạt yêu cầu. Ban KH-TC chủ trì, Ban Đào tạo, Ban KH-CN, Văn phòng và Khoa Sau đại học phối hợp thống kê; lập kế hoạch cụ thể về việc nâng cấp, xây dựng, hoàn thiện và bố trí sử dụng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo quốc tế đảm bảo sự liên thông trong toàn ĐHQGHN.

Điều 35. Xây dựng các giảng đường chuẩn

1. Nâng cấp và thiết kế tối ưu phòng học, bố trí hệ thống điện, âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, bảng, quạt, điều hoà nhiệt độ,... đạt tiêu chuẩn của các trường tiên tiến trong khu vực.

2. Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị phục vụ giảng dạy theo công nghệ tiên tiến (máy tính, máy chiếu, bảng thông minh, kết nối Internet,...); có hệ thống thiết bị e-learning để thực hiện các bài giảng điện tử và các thí nghiệm ảo,...

Điều 36. Củng cố, hoàn thiện hệ thống thông tin - thư viện, từng bước xây dựng thư viện điện tử phục vụ đào tạo và NCKH

1. Phát triển nguồn tài nguyên thông tin trên mạng VNUnet

a. Các đơn vị đề xuất trong kế hoạch nhiệm vụ và kế hoạch ngân sách hàng năm về việc thu thập, bổ sung sách, tạp chí điện tử, các cơ sở dữ liệu thư mục tài liệu, tóm tắt hoặc toàn văn cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo thuộc các ĐATP để Trung tâm TTTV tổ chức thực hiện.

b. Trung tâm TTTV tích cực xây dựng, tạo lập các cơ sở dữ liệu đặc thù, nguồn thông tin nội sinh của ĐHQGHN (tiến hành số hóa sách giáo khoa, giáo trình, luận án, luận văn, báo cáo kết quả đề tài NCKH, kỷ yếu hội nghị khoa học,...) theo yêu cầu của các ĐATP và của các đơn vị.

c. Văn phòng ĐHQGHN chủ trì, phối hợp với các đơn vị số hóa và lưu trữ toàn bộ tài liệu, văn bản về hoạt động quản lý, hành chính, đối ngoại, học thuật,... của ĐHQGHN để xây dựng ngân hàng dữ liệu sử dụng chung.

2. Tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị hỗ trợ thư viện điện tử và truyền thông đa phương tiện

a. Các đơn vị phối hợp với Trung tâm Quản trị mạng của Viện Công nghệ Thông tin xây dựng và trang bị đầy đủ công cụ, thiết bị,... đảm bảo việc kết nối và truy cập khai thác thông tin tốc độ cao trong toàn ĐHQGHN.

b. Xây dựng phòng đa phương tiện (multimedia) ở các đơn vị, phổ cập hệ thống e-learning phục vụ giảng dạy, học tập, hội nghị, hội thảo và giao lưu quốc tế trên mạng.

c. Lắp đặt tại các giảng đường chuẩn hệ thống thu màn hình lớn phục vụ giảng dạy trực tuyến; trang bị đủ cho các phòng thí nghiệm thực tập cơ bản, thực tập cơ sở, thực tập chuyên ngành hệ thống máy tính nối mạng để sinh viên tra cứu tài liệu, tự làm thí nghiệm, cập nhật các thí nghiệm ảo về khoa học và công nghệ,...

3. Nâng cấp hệ thống phòng đọc thuộc Trung tâm TTTV. Củng cố và xây dựng thêm phòng đọc tại các trường, khoa, bộ môn có kết nối vào nguồn học liệu điện tử

của Trung tâm TTTV để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của cán bộ, học viên, sinh viên ĐHQGHN theo một qui hoạch thống nhất.

Điều 37. Tăng cường cơ sở vật chất cho các ngành Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

1. Xây dựng, hoàn thiện và nâng cấp hệ thống trang thiết bị của các phòng thí nghiệm thực tập đại cương, thực tập các môn học cơ bản, hệ thống phòng thí nghiệm thực tập chuyên ngành, thực tập công nghệ,... một cách đồng bộ, hiện đại, từng bước đạt trình độ các trường tiên tiến trong khu vực và trường đối tác.

2. Xây dựng hệ thống các phòng thí nghiệm thực tập công nghệ, xưởng thực nghiệm, dây chuyền sản xuất thí nghiệm, gắn thực tập nghiên cứu cơ bản với thực tập triển khai ứng dụng công nghệ; gắn kiến thức lý thuyết với thực tiễn; xây dựng và nâng cấp hệ thống trạm, trại, vườn thực tập đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu thực tập ứng dụng ngoài trường cho các ngành nghề liên quan.

3. Xây dựng các phòng thí nghiệm nghiên cứu liên ngành thuộc lĩnh vực KH-CN mũi nhọn và nằm trong chương trình kinh tế - kỹ thuật của Nhà nước. Các phòng thí nghiệm này có hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cập nhật trình độ các trường tiên tiến trong khu vực và quốc tế; có tính liên ngành cao; tạo được các dịch vụ chất lượng cao về đào tạo, NCKH và triển khai công nghệ; tạo được nguồn kinh phí bổ sung để mở rộng, nâng cấp các phòng thí nghiệm; tạo được bước đột phá để có các công trình NCKH và công nghệ tiêu biểu của quốc gia và đạt trình độ tiên tiến khu vực và quốc tế; trở thành những trung tâm NCKH hàng đầu khu vực; xây dựng và phát triển trường phái khoa học; thu hút các nhà khoa học giỏi ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước tham gia giảng dạy và NCKH có thời hạn cũng như lâu dài tại ĐHQGHN.

4. Các đơn vị tạo cơ chế để xây dựng và vận hành các phòng thí nghiệm liên kết với các tập đoàn công nghiệp trong và ngoài nước, góp phần tăng cường nguồn lực và nâng cao năng lực đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ của ĐHQGHN.

Điều 38. Tăng cường cơ sở vật chất cho các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn

1. Tăng cường cơ sở vật chất nhằm góp phần tạo được bước đột phá để có các công trình nghiên cứu tiêu biểu của quốc gia và đạt trình độ tiên tiến khu vực và quốc tế; tạo sự thu hút của các nhà khoa học quốc tế về những vấn đề lịch sử, xã hội, văn hoá và xã hội Việt Nam; xây dựng và phát triển trường phái khoa học của ĐHQGHN.

2. Xây dựng các phòng thí nghiệm khoa học mũi nhọn đáp ứng yêu cầu nghiên cứu những vấn đề điển hình về kinh tế - xã hội, văn hoá, phong tục, tập quán,... và sự vận động của các vấn đề đặc thù về quốc gia, dân tộc trong quá trình hội nhập và sự toàn cầu hoá; những vấn đề điển hình thuộc khu vực và quốc tế có tác động đối với các vấn đề quốc gia, dân tộc nhằm phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế

của đất nước; những vấn đề thuộc hệ thống lịch sử và sự hình thành lãnh thổ phục vụ việc bảo vệ chủ quyền quốc gia đối với vùng đất, vùng trời, vùng biển và các vấn đề khác liên quan đến các ĐATP.

3. Xây dựng các phòng thí nghiệm thực hành có hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cập nhật, các studio, phòng đa phương tiện được sử dụng mang tính liên ngành; các phòng bảo tàng trưng bày các vật liệu, tư liệu lịch sử nhằm thu hút đông đảo sinh viên, HVCH và NCS, cán bộ khoa học khai thác cho công tác NCKH, làm khoá luận, luận văn, luận án chất lượng cao; phòng chiếu phim, các phòng trình diễn và thực hành đặc thù để tạo được các dịch vụ chất lượng cao về đào tạo, NCKH và triển khai công nghệ, tạo được nguồn kinh phí bổ sung.

Điều 39. Xây dựng các trung tâm giao lưu quốc tế và hệ thống câu lạc bộ sinh viên

1. Xây dựng và trang bị hệ thống câu lạc bộ sinh hoạt học thuật, thể thao, giao lưu văn hóa,...; xây dựng các trung tâm giao lưu sinh viên quốc tế với các trường đại học đối tác và các trường đại học thuộc các nước nói tiếng Anh (ngôn ngữ đào tạo) để tổ chức cho sinh viên đi tham quan, thực tập, hội nghị, hội thảo khoa học,...

2. Tạo điều kiện để các đơn vị thực hiện các chương trình trao đổi học giả; tạo điều kiện cho sinh viên năm nhất đi thực tập để tăng cường năng lực sử dụng tiếng Anh, cho sinh viên năm thứ 4 (đối với ngành KHTN, CN, KHXXH&NV) và sinh viên năm thứ 3 (các ngành ngoại ngữ) đi sang trường đại học đối tác nước ngoài hoặc một trường đại học có uy tín có chương trình tương thích để học tập, tích lũy và chuyển đổi tín chỉ tương ứng theo phương thức tự túc kinh phí một phần hoặc toàn phần.

3. Xây dựng các “vườn ươm” tài năng khoa học trẻ; các câu lạc bộ “sinh viên sáng tạo” nhằm tạo điều kiện ứng dụng các kiến thức đã học và sáng tạo tri thức mới.

Chương 8

LIÊN KẾT HỢP TÁC VỚI CÁC CƠ SỞ NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT, DOANH NGHIỆP VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 40. Liên kết, hợp tác với các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp và địa phương là phương thức thực hiện một cách đầy đủ và toàn diện mô hình đại học nghiên cứu. Các nội dung liên kết hợp tác bao gồm:

- Trao đổi, phản hồi góp phần hoàn thiện chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo để đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội;

- Tạo cơ hội cho người học được thực tập, thực hành để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, vận dụng kiến thức đã học, nâng cao hiểu biết và thích ứng với môi trường làm việc trong tương lai;

- Thu hút các nhà khoa học, công nghệ, các doanh nhân, cán bộ lãnh đạo quản lý đủ năng lực tham gia giảng dạy, NCKH;

- Sử dụng hiệu quả các nguồn lực khác của hai bên, góp phần gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường và xã hội;

- Ký kết được các hợp đồng chuyển giao kết quả nghiên cứu, dịch vụ KH-CN; Tạo thêm nguồn thu từ các hợp đồng nghiên cứu, dịch vụ, tư vấn đào tạo.

Điều 41. Văn phòng, các Ban chức năng hỗ trợ thủ tục cần thiết để các đơn vị đẩy mạnh và nâng cao liên kết, hợp tác với cơ quan, doanh nghiệp và địa phương. Các đơn vị bố trí lịch trình, kế hoạch giảng dạy để tạo thuận lợi cho giảng viên và người học tham gia hợp tác, thực tập, thực tế ở cơ quan, doanh nghiệp, địa phương phù hợp với đặc thù của chuyên ngành.

Chương 9

KINH PHÍ

Điều 42. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí của Đề án bao gồm:

- Kinh phí do NSNN cấp chi đào tạo thường xuyên của Đề án;
- Kinh phí do NSNN cấp từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung;
- Kinh phí do NSNN cấp từ sự nghiệp KH-CN;
- Học phí của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh thuộc Đề án;
- Nguồn thu từ hợp tác NCKH, chuyển giao, dịch vụ với địa phương, doanh nghiệp, tài trợ, viện trợ,...;
- Các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị đào tạo dành cho Đề án.

2. Nguyên tắc phân bổ và giao kinh phí cho các đơn vị có ĐATP dựa trên:

- Chỉ tiêu đào tạo của các ngành, chuyên ngành được ĐHQGHN phê duyệt;
- Dự toán theo lộ trình hàng năm của ĐATP đã được ĐHQGHN phê duyệt, bao gồm:
 - + Kinh phí chi thường xuyên cho đào tạo và quản lý đào tạo;
 - + Kinh phí chi từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (các dự án đầu tư chiều sâu ngành, chuyên ngành);
 - + Kinh phí cho các đề tài, hướng nghiên cứu từ hoạt động KH-CN thường xuyên cho các đề tài NCKH;
 - + Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mời cán bộ giảng dạy.

Kinh phí cho việc thực hiện các đề tài KH-CN được lấy từ kinh phí NCKH, từ Quỹ phát triển KH-CN và các nguồn thu bổ sung hợp pháp khác của ĐHQGHN, của đơn vị.

Kinh phí cho tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ NCKH và đào tạo được lấy từ các nguồn kinh phí tăng cường năng lực nghiên cứu, đầu tư chiều sâu; từ nguồn kinh phí đào tạo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của ĐHQGHN, của đơn vị.

Kinh phí cho hội nghị, hội thảo, đoàn ra, đoàn vào được lấy từ các nguồn kinh phí hợp pháp, từ các đề tài, dự án phù hợp với nội dung công việc và theo dự toán đã được phê duyệt.

Các nguồn kinh phí trên cần được đưa vào kế hoạch nhiệm vụ năm học, kế hoạch KH-CN hằng năm của đơn vị. Việc xét chọn, phê duyệt, triển khai thực hiện và quản lý nghiệm thu thanh toán kinh phí tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN theo phương châm tạo điều kiện chủ động cho các đơn vị trong việc thực hiện các Đề án.

Điều 43. Học phí

Trên cơ sở công văn số 7291/BTC – HCSN ngày 23/06/2008 của Bộ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị đề xuất và trình Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt mức học phí đóng góp của sinh viên, HVCH và NCS thuộc ĐATP. Mức học phí cụ thể phải đảm bảo cân bằng từng bước việc thu chi, thu hút được người học và phải được công bố công khai với người học sớm hơn hoặc cùng với thông báo tuyển sinh hàng năm.

Điều 44. Sử dụng kinh phí

Trên cơ sở các ĐATP đã được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt, Thủ trưởng các đơn vị lập dự toán chi theo nhiệm vụ của ĐATP với các nội dung chi như sau:

1. Hoạt động chuyên môn

- Giảng viên trong nước giảng dạy;
- Giảng viên nước ngoài giảng dạy (bao gồm: kinh phí đi lại, bảo hiểm, công tác phí, lưu trú và chi phí chuyên môn...);
- Công tác biên soạn chương trình đào tạo:
 - + Đề cương chi tiết môn học;
 - + Xây dựng phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá;
 - + Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo;
 - + Mua bản quyền sử dụng chương trình, quy trình đào tạo;
 - + Xây dựng đề cương chi tiết môn học song ngữ,...
- Công tác biên soạn giáo trình, bài giảng;

- Mua tài liệu phục vụ giảng dạy: giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, cơ sở học liệu (phối hợp với Trung tâm TTTV);

- Biên dịch giáo trình, tài liệu tham khảo;

- Mua tạp chí điện tử và xây dựng thư viện điện tử (phối hợp với Trung tâm TTTV);

- Mua phần mềm phục vụ đào tạo, NCKH (phối hợp giữa các đơn vị để sử dụng hiệu quả, tránh mua trùng lặp).

2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, quản lý

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và ngoại ngữ cho cán bộ giảng viên, quản lý ở trong và ngoài nước;

- Hỗ trợ cho công tác trao đổi, hội thảo ở nước ngoài;

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học đầu đàn, đầu ngành.

Phần chi phí chuyên môn phải thanh toán cho cơ sở đối tác nước ngoài được xác định trên cơ sở văn bản đã thoả thuận.

3. Công tác quản lý

- Cử cán bộ quản lý sang nước ngoài ký kết hợp tác;

- Tập huấn, tham quan học hỏi kinh nghiệm tại các trường đại học tiên tiến trên thế giới (bao gồm: tiền đi lại, bảo hiểm, sinh hoạt phí và lưu trú ở nước ngoài);

- Phần mềm quản lý phục vụ đào tạo, NCKH;

- Quản lý và nghiệp vụ quản lý.

4. Công tác mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất

- Mua trang thiết bị chuyên môn phục vụ giảng dạy, NCKH;

- Mua vật tư, dụng cụ thí nghiệm;

- Công tác sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng học, phòng hội thảo;

5. Chi thực tập, thực tế ở nước ngoài cho sinh viên, HVCH, NCS (bao gồm: kinh phí đi lại, bảo hiểm, sinh hoạt phí và chi phí chuyên môn). Riêng phần chi phí chuyên môn phải thanh toán cho cơ sở đối tác nước ngoài được xác định trên cơ sở văn bản thoả thuận với đối tác nước ngoài.

6. Học bổng, sinh hoạt phí cho sinh viên, HVCH, NCS được xét trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN. Các mức học bổng gồm: 100%, 75%, 50% và 25% mức học phí phải đóng góp. Tỷ lệ số học bổng tương ứng là 10% số người học được học bổng 100%; 20% người học được học bổng cho mỗi loại học bổng sau đó. Số lượng và mức học bổng sẽ được điều chỉnh hàng năm theo quyết định của Giám đốc ĐHQGHN dựa theo kết quả học tập, NCKH và rèn luyện của người học.

Học bổng được xét và cấp dựa vào tổng điểm của các tiêu chí trong quy định của Giám đốc ĐHQGHN theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của từng loại học bổng. Mỗi người học đạt tiêu chuẩn chỉ được nhận một loại học bổng. Kết quả xét học bổng được thông báo công khai.

Tạm thời áp dụng các tiêu chí sau đây để xét và cấp học bổng (trong một tiêu chí, chỉ xét một kết quả cao nhất).

6.1. Bậc đại học

6.1.1. Đối với sinh viên năm thứ nhất, tiêu chí xét học bổng bao gồm các tổng điểm của ba thành tích sau đây:

- Thành tích thi học sinh giỏi:

+ Cấp quốc tế

Giải nhất:	5,0 điểm
Giải nhì:	4,5 điểm
Giải ba:	4,0 điểm
Giải khuyến khích:	3,5 điểm

+ Cấp khu vực và quốc gia

Giải nhất:	3,0 điểm
Giải nhì:	2,5 điểm
Giải ba:	2,0 điểm
Giải khuyến khích:	1,5 điểm

+ Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tương đương

Giải nhất:	1,0 điểm
Giải nhì:	0,7 điểm
Giải ba:	0,5 điểm
Giải khuyến khích:	0,3 điểm

- Kết quả trung bình điểm thi tuyển sinh đại học (nếu có) và điểm học ba năm học THPT của các môn học thi vào đại học (không tính hệ số):

Từ 9,5 – 10 điểm:	3,0 điểm
Từ 9,0 – 9,4 điểm:	2,5 điểm
Từ 8,5 – 8,9 điểm:	2,0 điểm
Từ 8,0 – 8,4 điểm:	1,5 điểm

- Đối với hệ chuyên có môn học chuyên phù hợp thì xét điểm ưu tiên về học lực của cả ba năm học THPT:

Loại giỏi:	1,0 điểm
Loại khá:	0,5 điểm

6.1.2. Đối với sinh viên năm thứ hai trở lên, căn cứ theo tổng điểm của các thành phần sau đây:

- Thành tích học tập năm trước đó: điểm trung bình chung các môn học quy đổi về thang điểm 10.

- Thành tích NCKH được quy định như sau:

+ Đạt giải cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ GD&ĐT: giải nhất: 0,4 điểm; giải nhì: 0,3 điểm; giải ba: 0,2 điểm; giải khuyến khích: 0,1 điểm.

+ Đạt giải cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc ĐHQGHN: giải nhất: 0,2 điểm; giải nhì: 0,15 điểm; giải ba: 0,1 điểm.

Tác giả hoặc đồng tác giả công trình khoa học đăng ở tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học (có phản biện): cấp quốc tế: 0,4 điểm; cấp quốc gia: 0,3 điểm; cấp cơ sở: 0,2 điểm.

6.2. *Bậc cao học*

6.2.1. Đối với HVCH năm thứ nhất, việc xét và cấp học bổng căn cứ vào các điểm thành phần sau:

- Tổng điểm trung bình các môn học thuộc khối kiến thức chuyên môn của bậc đại học (bao gồm kiến thức cơ sở của ngành, kiến thức chuyên ngành, khóa luận/thi tốt nghiệp) và điểm thi tuyển sinh Cao học (nếu có) theo thang điểm 10;

- Điểm thưởng NCKH áp dụng như mục 6.1.2 cho bậc đại học.

6.2.2. Đối với HVCH năm thứ hai, căn cứ vào các điểm thành phần sau:

- Tổng điểm trung bình các môn học năm thứ nhất được chuyển đổi theo thang điểm 10;

- Điểm thưởng NCKH như quy định như đối với bậc đại học.

Mức điểm thưởng cho các thành tích khác về NCKH do Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định.

6.3. *Bậc tiến sĩ*

6.3.1. Đối với NCS năm thứ nhất, việc xét và cấp học bổng căn cứ vào các điểm thành phần sau:

- Tổng điểm trung bình các môn học thuộc khối kiến thức chuyên môn của bậc Thạc sĩ (bao gồm kiến thức cơ sở của ngành, kiến thức chuyên ngành và kết quả thi NCS (nếu có) theo thang điểm 10;

- Điểm thưởng NCKH được quy định như đối với bậc cao học;

- Điểm bảo vệ luận văn thạc sĩ;

6.3.2. Đối với NCS năm thứ hai trở đi, căn cứ vào các điểm thành phần sau:

- Tổng điểm trung bình các chuyên đề tiến sĩ (nếu có) theo thang điểm;

- Điểm thưởng thành tích NCKH có thể áp dụng như cách tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước, bao gồm: điểm giáo trình, sách chuyên khảo;

các bài báo khoa học; chủ trì và tham gia các đề tài NCKH các cấp, bằng phát minh, sáng chế, giải thưởng,... Tất cả các công trình khoa học trên phải được thực hiện và công bố lần đầu trong thời gian làm NCS. Khoa Sau đại học làm đầu mỗi đánh giá và xác định thành tích NCKH của NCS.

7. Chi khác

- Văn phòng phẩm;
- Thiết bị văn phòng (phục vụ công tác điều hành, quản lý, trang thiết bị phòng làm việc của giáo sư mời giảng nước ngoài);
- Chi công tác tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, tổng kết, khảo sát rút kinh nghiệm.

Điều 45. Các định mức chi cụ thể

1. Căn cứ theo các văn bản:

- Thông tư 44/2007/TTLT-BTC-BKHCNMT ngày 07/5/2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án KH-CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thông tư 87/2001/TT-BTC ngày 30/10/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình khung cho các ngành đào tạo đại học, cao đẳng trung học chuyên nghiệp và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học.

- Thông tư 51/2008/TT-BTC ngày 16/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước.

2. Giám đốc ĐHQGHN sẽ có văn bản qui định đối với các nội dung, nhiệm vụ chi chưa có qui định mức chi của Nhà nước dựa trên tình hình thực tế, qui chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị đã được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt, tham khảo hướng dẫn của Bộ GD và ĐT đối với các chương trình đào tạo tiên tiến. Thực hiện thanh toán trên cơ sở dự toán được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt và thủ tục, hoá đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ.

Chương 10

TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐẠT TRÌNH ĐỘ QUỐC TẾ SAU GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ BAN ĐẦU

Điều 46. Trình độ quốc tế của ngành, chuyên ngành sau giai đoạn đầu tư ban đầu

1. Số sinh viên, HVCH và NCS tốt nghiệp có trình độ tương đương với sinh viên tốt nghiệp ở các trường đại học có uy tín trên thế giới, có thể làm việc ở bất kỳ đơn vị sử dụng lao động nào ở Việt Nam và nước ngoài; tạo nên thương hiệu tốt để thu hút

người giỏi và người nước ngoài vào học tại ĐHQGHN; góp phần xây dựng và phát triển vị thế của ĐHQGHN.

2. Với kinh nghiệm tổ chức quản lý tốt, đội ngũ giảng viên chất lượng cao, chương trình và phương pháp giảng dạy tiên tiến sẽ phát huy được năng lực sáng tạo của người dạy và người học;

3. Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý tiếp cận trình độ quốc tế về năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, đủ khả năng giảng dạy và quản lý các chương trình quốc tế tại Việt Nam và nước ngoài;

4. Các công trình NCKH có chất lượng tiêu biểu của quốc gia và đạt trình độ quốc tế sẽ tạo cơ hội mở rộng hợp tác ở trong nước và quốc tế; tạo ra các nguồn học liệu quan trọng, có giá trị khoa học và thực tiễn, phục vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

5. Cơ sở vật chất - kỹ thuật; các phòng học; các phòng thí nghiệm, trang thiết bị nghiên cứu, giảng dạy, dịch vụ người học (phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ, các phòng họp, hội thảo và khu vực tự học cho người học, ...) được hiện đại hoá đạt chất lượng quốc tế sẽ tiếp tục được sử dụng và phát triển.

6. Một số Phòng thí nghiệm, Bộ môn, Khoa,... có chất lượng đào tạo, NCKH đạt trình độ quốc tế.

Điều 47. Duy trì hoạt động đào tạo trình độ quốc tế của các ngành, chuyên ngành đã được đầu tư

1. Đảm bảo được nguồn kinh phí sau giai đoạn đầu tư, trong đó có một tỷ lệ hợp lý từ nguồn thu học phí, nguồn thu từ các hoạt động khoa học - công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các đơn vị thành viên để duy trì các hoạt động thiết yếu nhằm giữ vững được và từng bước vươn lên để khẳng định vai trò của ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế đối với xã hội và quốc tế.

2. Từng bước củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu cao của xã hội. Quan tâm đến công tác tuyên truyền và đầu tư lâu dài đảm bảo thu hút được người học giỏi, người nước ngoài đến học; thu hút được giáo viên xuất sắc và cán bộ quản lý giỏi về công tác ở ĐHQGHN.

3. Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, bài giảng,... có từ Đề án, đồng thời được bổ sung thường xuyên từ các nguồn tài chính mới.

4. Duy trì và phát triển đội ngũ giảng dạy, NCKH, quản lý có được từ Đề án bằng môi trường, điều kiện làm việc và đãi ngộ xứng đáng từ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và từ nguồn thu bằng chính thương hiệu của mình.

5. Duy trì và phát triển các quan hệ hợp tác có từ Đề án, phát triển thêm các hợp tác mới trên cơ sở hai bên cùng có lợi.

6. Hệ thống đảm bảo chất lượng của ĐHQGHN phải được xây dựng và phát triển theo chất lượng quốc tế; thực thi việc kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo trong và ngoài ĐHQGHN; thẩm định đặc biệt và thường xuyên đối với Đề án nhằm duy trì đẳng cấp quốc tế, đáp ứng cao nhu cầu đào tạo nhân tài và nhân lực chất lượng cao được Chính phủ giao.

7. ĐHQGHN chú trọng tới trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của các cán bộ tham gia; sử dụng đúng người đúng việc; phát huy tối đa năng lực sáng tạo của cá nhân; thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo và đánh giá cán bộ, có chế độ đãi ngộ thoả đáng về vật chất và tinh thần để các cán bộ tham gia duy trì và phát huy được trình độ giảng dạy và quản lý ở trình độ cao, năng lực nghiên cứu những vấn đề mũi nhọn của thế giới sau giai đoạn đầu tư ban đầu.

8. ĐHQGHN tăng cường phân cấp quản lý nhằm phát huy cao độ tính độc lập, tự chủ của các đơn vị trực thuộc trong điều hành, quản lý; tăng cường kiểm tra, giám sát và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển sao cho đảm bảo công tác quản lý gọn nhẹ nhưng hiệu quả bằng việc thực hiện quy trình quản lý mở hai chiều (top-down và bottom-up) theo kiểu quản lý doanh nghiệp.

Điều 48. Tiếp tục phát triển thêm các ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế và các đơn vị đạt trình độ quốc tế

1. Có các biện pháp hợp lý, tạo ra sự gắn kết hữu cơ giữa các chương trình đào tạo đã được đầu tư với chương trình đào tạo khác của các bộ môn, khoa để hoàn thành việc xây dựng các đơn vị đầu tiên từ cấp bộ môn đến cấp khoa đạt trình độ quốc tế.

2. Tiếp tục đầu tư phát triển để tất cả các ngành, chuyên ngành trong một khoa đều đạt trình độ quốc tế, xây dựng nhiều khoa đạt trình độ quốc tế.

3. Xem xét đầu tư để một số trường có nhiều hoặc tất cả các khoa đạt trình độ quốc tế, tiến tới có trường thành viên đạt trình độ quốc tế trong lộ trình đưa ĐHQGHN đạt trình độ quốc tế.

Chương 11

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Tổ chức thực hiện

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Căn cứ vào quy định này các đơn vị đào tạo xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn chi tiết cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và đặc thù của ngành và chuyên ngành để tổ chức triển khai thực hiện, nhưng không được trái với quy định này.

Ban Chỉ đạo cấp ĐHQGHN và các Ban điều hành DATP của đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và giám sát để Đề án được thực hiện theo đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

Điều 50. Thay đổi

Trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các đơn vị, Giám đốc ĐHQGHN có thể quyết định điều chỉnh, bổ sung một số quy định mang tính cụ thể và định lượng cho phù hợp với tình hình thực tế để tạm thời áp dụng, nhưng phải báo cáo Ban Chỉ đạo ĐHQGHN tại phiên họp gần nhất để xem xét sửa đổi chính thức.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(ĐÃ KÝ)

GS.TS. Nguyễn Hữu Đức

